

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN NÔNG SẢN SỐ 1 HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN NÔNG SẢN SỐ 1 HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NO.1 HA NOI AGRICULTURAL PROCESS AND PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NO.1 HA NOI AGPP., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107607848

3. Ngày thành lập: 25/10/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 11, đường 800A, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.22191010

Fax:

Email: cuongpk59@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây chè	0127
2.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
3.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
4.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030(Chính)
5.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
6.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
7.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
8.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
9.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
10.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ (QĐ 337)	4530

11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. (QĐ 337)	4659
12.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (Điều 64, mục 3, chương IV Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật 2013)	4669
14.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón (QĐ 337)	4773
15.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 4,5,6,7,8 – NĐ số: 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014)	4932
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
17.	Trồng cây ăn quả	0121
18.	Trồng cây cà phê	0126
19.	Sản xuất đường	1072
20.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073

21.	Sản xuất hoá chất cơ bản (trừ hóa chất nhà nước cấm)	2011
22.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
23.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất giêlatin và dẫn xuất giêlatin, keo hồ và các chất đã được pha chế, bao gồm keo cao su; - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; - Sản xuất các sản phẩm hoá chất khác như: + Pep ton, dẫn xuất của pep ton, các chất proteinkhác và dẫn xuất của chúng, + Dầu hoặc mỡ được pha chế bằng quá trình hoá học, + Sản xuất chất để tẩy kim loại, + Sản xuất các bon hoạt tính, chất phụ gia cho dầu nhờn, chất xúc tác cho cao su tổng hợp, chất xúc tác và sản phẩm hoá chất khác sử dụng trong công nghiệp, + Sản xuất chất chống cháy, chống đóng băng. (QĐ 337)	2029
24.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	1020
25.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
26.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
27.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
28.	Thu gom rác thải độc hại	3812
29.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
30.	Bán buôn gạo	4631
31.	Bán buôn thực phẩm	4632
32.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (Điều 64, mục 3, chương IV Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật 2013)	4649
33.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
34.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
35.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

36.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
37.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 – ND số: 86/2014/ND-CP ngày 10/09/2014)	4933
38.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
39.	Bốc xếp hàng hóa	5224
40.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
41.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
42.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
43.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGÔ THỊ TÚ THU	Số 11, đường 800A, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	86.400	864.000.000	48,000	0011730083 11	
			Tổng số	86.400	864.000.000	48,000		
2	HOÀNG HẢI	Số 2, tổ 5, khu Chiến Thắng, Thị trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	57.600	576.000.000	32,000	111715833	
			Tổng số	57.600	576.000.000	32,000		

3	PHÙNG KHÁNH CƯỜNG	Số 31, ngõ 5 đường Cầu Vòng, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.000	360.000.000	20,000	013467956	
			Tổng số	36.000	360.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHÙNG KHÁNH CƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/09/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013467956

Ngày cấp: 24/09/2011 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 31, ngõ 5 đường Cầu Vòng, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 31, ngõ 5 đường Cầu Vòng, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội